

Bản án số: 05/2018/DS-ST

Ngày: 09/3/2018

“V/v tranh chấp hợp đồng mượn tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Bạch Quốc Thông**

2. Ông **Nguyễn Văn Thử**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Cẩm Minh**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 09 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2017/TLST-DS, ngày 16/10/2017 về “**Tranh chấp hợp đồng mượn tài sản**”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXX-ST, ngày 04/01/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 01/2018/QĐST-DS ngày 22/01/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1965 (có mặt).

Địa chỉ: Số 189, ấp T, xã K, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bi đơn: Bà **Võ Thị Tuyết P**, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 338, ấp T, xã K, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn D thì vụ án có nội dung như sau:

Vào ngày 15/8/2016, ông có cho bà P mượn 150.000.000 đồng có làm biên nhận, đến ngày 18/8/2016, ông cho bà P mượn thêm 35.000.000 đồng không có làm biên nhận. Tổng cộng bà P mượn của ông hai lần là 185.000.000 đồng và bà P hứa 05 ngày sau sẽ trả đủ số tiền trên cho ông. Qua 05 ngày sau bà P không trả cho ông số tiền trên, ông có đến gặp bà P, thì bà P vẫn hứa nữa và cho đến nay bà P không trả cho ông số tiền nào.

Vì vậy, nguyên đơn ông Nguyễn Văn D khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng giải quyết buộc bị đơn bà Võ Thị Tuyết P phải trả cho ông một lần số tiền 185.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

* Đối với bị đơn bà Võ Thị Tuyết P: Kể từ khi thụ lý giải quyết vụ án và cho đến giai đoạn hòa giải, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn bà P để tham dự phiên hòa giải đến lần thứ hai mà bị đơn không đến để tham dự phiên hòa giải và cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn D. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về thủ tục tố tụng:*

[1]Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng bị đơn bà P vẫn vắng mặt không rõ lý do và nguyên đơn D yêu cầu xét xử vắng mặt bị đơn. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, Khoản 2, Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, quyết định xét xử vắng mặt bị đơn bà P.

** Về nội dung vụ án:*

[2]Tại phiên tòa, nguyên đơn D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà P trả số tiền mượn còn thiếu là 185.000.000đ trả một lần và không yêu cầu tính lãi.

[3]Xét yêu cầu của nguyên đơn D thì thấy rằng: Bị đơn bà P có mượn tiền của nguyên đơn được thể hiện qua tờ biên nhận tiền ngày 15/8/2016, do bị đơn P nhận và ký tên với số tiền 150.000.000 đồng, sau đó bị đơn P mượn thêm 35.000.000 đồng. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu phía bị đơn phải trả số tiền mượn là 185.000.000 đồng là có căn cứ.

* Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn D được chấp nhận nên bị đơn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016.

* Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 3, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 471, 473 Bộ luật dân sự năm 2005; điểm c, khoản 1, Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Võ Thị Tuyết P phải trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn D số tiền mượn là 185.000.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông D có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà P còn phải trả lại cho ông D theo mức lãi suất 10%/năm, đối với số tiền chậm thi hành án.

2. Về án phí:

Bị đơn Võ Thị Tuyết P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm cụ thể là: 185.000.000 đồng x 5% = 9.250.000 đồng.

Nguyên đơn Nguyễn Văn D được nhận lại 4.625.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006992 ngày 12/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Nhân